

Bản án số: 21/2020/HS-ST

Ngày 11 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Hiếu
Bà Bùi Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. BÙI VĂN Đ, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1995 tại LS - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm K, xã T, huyện LS, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị L; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Có 02 tiền án: Ngày 08/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 30/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/01/2020, tạm giam từ ngày 24/01/2020. Có mặt tại phiên tòa.

2. BÙI VĂN H, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1985 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm R, xã Á, huyện LS, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H1 (đã chết) và bà Bùi Thị D; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 29/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2020, tạm giam từ ngày 18/01/2020. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bùi Thúy H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2007. Trú tại: Xóm LT, xã A, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Người giám hộ của Bùi Thúy H: Ông Bùi Văn Ủ, sinh năm 1961. Trú tại: Xóm L, xã A, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bùi Yến N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2006. Trú tại: Xóm L, xã A, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Người giám hộ của Bùi Yến N: Chị Bùi Nhật L, sinh năm 1997. Trú tại: Xóm L, xã A, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Chu Hồng Q, sinh năm 1982. Trú tại: Phố Đ, thị trấn V, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Văn Đình Q, sinh năm 1987. Trú tại: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Bùi Thị Thúy N, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2006. Trú tại: Xóm L, xã A, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Người giám hộ của Bùi Thị Thúy N: Bà Bùi Thị Ủ, sinh năm 1958. Trú tại: Xóm L, xã A, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 10/01/2020, Bùi Văn Đ điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát của gia đình, chở theo Bùi Văn H đi trên đường QL 12B hướng LS – Yên Thủy. Khi đi đến địa phận xóm R, xã A, huyện LS, tỉnh Hòa Bình, Đ phát hiện thấy Bùi Yến N đi xe máy điện chở theo Bùi Thị Thúy N và Bùi Thúy H đi ngược chiều. Lúc này Đ thấy Bùi Thúy H cầm trên tay một túi nilon bên trong có điện thoại di động nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản này. Ngay lập tức, Đ điều khiển xe chở theo H quay ngược trở lại để bám đuôi theo xe của Bùi Yến N, đồng thời Đ nói và chỉ cho H biết trong túi H đang cầm có điện thoại di động rồi rủ H thực hiện việc cướp tài sản, H đồng ý. Đ bám đuôi theo xe của N đến địa phận xóm L, xã A thì thấy xe của N đi chậm lại để quan sát sang đường nên Đ tăng tốc độ điều khiển xe áp sát phía sau bên trái xe của N, H ngồi sau dùng tay phải giật lấy túi nilon H đang cầm. Bên trong túi có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y12 màu đỏ, đen; 01 áo đồng phục học võ màu trắng và 01 quyền võ cũ đã sử dụng. Lấy được tài sản, Đ điều khiển xe chở H tẩu thoát về hướng thị trấn V, huyện Lạc Sơn. Trên đường tẩu thoát, Đ và H bàn nhau chỉ lấy chiếc điện thoại di động, các vật khác và sim điện thoại vừa cướp được vứt bỏ dọc đường. Khi đi đến khu vực Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn, H xuống xe và đứng đợi tại đó còn Đ mang điện thoại vừa cướp được đến cửa hàng kinh doanh

điện thoại của anh Chu Hồng Q để bán. Tại đây, Đ gặp nhân viên cửa hàng là anh Văn Đình Q và bán được chiếc điện thoại với giá 1.300.000 (*Một triệu, ba trăm nghìn*) đồng. Đ quay trở lại đón H và chia cho H 100.000 (*Một trăm nghìn*) đồng từ tiền bán điện thoại cướp giật, số tiền còn lại Đ tiêu dùng cho cá nhân hết. Ngày 12/01/2020, Bùi Văn H đến Cơ quan Công an đầu thú. Ngày 21/01/2020, Bùi Văn Đ bị bắt khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ là 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo Y12 màu đỏ đen đã qua sử dụng, Imel 1: 865950049912xxx, Imel 2: 865950049912xxx; 01 chiếc áo trắng, cỡ số 8, chiều dài 74 cm, chiều rộng 56 cm, tay áo dài 41 cm, đã qua sử dụng, phía trước bên trái ngực áo có in chữ N D Karate-Do; 01 vỏ hộp điện thoại di động của chiếc điện thoại Vivo Y12 màu đỏ mận. Các vật chứng nêu trên đã được Cơ quan điều tra đã xử lý bằng biện pháp trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với chiếc sim điện thoại bị cáo Đ tháo vứt dọc đường đã được truy tìm nhưng không có kết quả. Đối với 01 quyền vớ cũ đã sử dụng hết, Bùi Yên N đã tìm thấy mang về nhà nhưng không biết để đâu và không yêu cầu giải quyết. Đối với chiếc xe mô tô không biển kiểm soát các bị cáo sử dụng để đi cướp giật, bị cáo Đ khai là của mẹ để bị cáo là Bùi Thị L, sau khi phạm tội đã trả xe cho bà Bùi Thị L và hiện bà L không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra vẫn tiếp tục xác minh, làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại kết luận định giá tài sản số 02/ĐG-HĐĐG, ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo Y12 màu đỏ đen đã qua sử dụng, Imel 1: 865950049912xxx, Imel 2: 865950049912xxx; 01 chiếc áo võ phục Karate màu trắng có tổng giá trị còn lại là 2.370.000 (*Hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn*) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thúy H, người liên quan là Bùi Yên N đã nhận lại được tài sản nên không có yêu cầu các bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Chu Hồng Q có yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.300.000 (*Một triệu, ba trăm nghìn*) đồng là tiền của cửa hàng kinh doanh điện thoại mà Văn Đình Q dùng mua chiếc điện thoại các bị cáo cướp giật.

Tại Bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 16/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn Đ về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d, g, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với Văn Đình Q là người trực tiếp mua chiếc điện thoại các bị cáo cướp giật nhưng khi mua, anh Q không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cáo trạng không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Xác định tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo đều thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Đối

với bị cáo Bùi Văn H sau khi phạm tội đã đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo Bùi Văn H có tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 5 năm đến 6 năm tù; xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm 6 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về tang vật của vụ án: Đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là hợp pháp nên không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Chu Hồng Q khoản tiền 1.300.000 đồng mà anh Văn Đình Q lấy từ cửa hàng kinh doanh điện thoại của anh Q để mua điện thoại từ bị cáo Đ.

Bị hại không có ý kiến gì về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chu Hồng Q có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn giữ nguyên yêu cầu của mình về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo; yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại khoản tiền 1.300.000 đồng.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; các bị cáo nhận tội, không kêu oan và chấp nhận mức bồi thường như anh Chu Hồng Q yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo*: Ngày 10/01/2020 Bùi Văn Đ, Bùi Văn H đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc áo đồng phục học võ có tổng trị giá 2.370.000 đồng. Các bị cáo đã dùng xe mô tô áp sát bị hại cũng đang điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ; việc gây án của các bị cáo có thể gây nguy hiểm cho bị hại và người khác. Do vậy, hành vi của các bị cáo là thủ đoạn nguy hiểm, là tình tiết định khung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015. Tại thời điểm phạm tội, bị hại Bùi Thúy H mới 12 tuổi 8 tháng 05 ngày; chưa đủ 16 tuổi, là tình tiết định khung theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo Bùi Văn Đ đã tái phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết định khung theo quy định tại điểm i khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự 2015. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai

của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo:* Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm pháp nêu trên là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo có nhiều tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015. Do vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:* Trong vụ án các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, các bị cáo nảy sinh ý định phạm tội tức thì, không có sự bàn bạc từ trước, không có phân công phân nhiệm, kế hoạch rõ ràng nên chỉ đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này Bùi Văn Đ có vai chính; Đ là người phát hiện sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, nói cho H biết và xúi giục H cùng tham gia thực hiện. Sau đó chính Đ là người chủ động trong việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo Bùi Văn Đ có nhiều tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015 hơn bị cáo Bùi Văn H. Do đó, Bùi Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức cao hơn bị cáo H. Đối với H là đồng phạm tích cực với vai trò giúp sức và thực hiện; Hiền là người trực tiếp giật điện thoại. Do đó, bị H phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Bùi Văn H sau khi phạm tội đã đầu thú là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo Bùi Văn H có một tiền án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Bùi Văn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Xét các bị cáo là người có thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[7] *Về tang vật của vụ án:* Tang vật của vụ án đã được Cơ quan điều tra trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cuốn vở cũ đã sử dụng hết, Bùi Yên N đã tìm

thấy nhưng không biết để đâu, không có yêu cầu gì nên không xem xét. Đối với chiếc xe mô tô không biển kiểm soát các bị cáo dùng để đi cướp giật tài sản, bị cáo Đ đã trả lại cho bà Bùi Thị L, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ và sẽ được xem xét, xử lý sau.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Bùi Thúy H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Yên N không có yêu cầu đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Chu Hồng Q có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.300.000 đồng mà anh Văn Đình Q là nhân viên cửa hàng kinh doanh điện thoại di động của anh Chu Hồng Q, lấy tiền của cửa hàng mua điện thoại các bị cáo cướp giật. Xét, anh Văn Đình Q dùng tiền của cửa hàng mua điện thoại từ bị cáo Đức là hoạt động kinh doanh bình thường của cửa hàng. Anh Q trong vụ việc mua bán là ngay tình, không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Tiền dùng mua điện thoại là tiền của cửa hàng anh Chu Hồng Q. Do đó, cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Chu Hồng Q khoản tiền 1.300.000 (*Một triệu, ba trăm nghìn*) đồng là có căn cứ.

[9] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án, bị buộc trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, g, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Văn Đ;

Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Văn H;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Đ, Bùi Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 05 (Năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/01/2020.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/01/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; khoản 5 Điều 275; Điều 280; Điều 288 Bộ luật dân sự 2015:

Buộc các bị cáo Bùi Văn Đ, Bùi Văn H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Chu Hồng Q số tiền 1.300.000 (*Một triệu, ba trăm nghìn*) đồng là thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra ngày 10/01/2020. Trong đó, bị cáo Bùi Văn Đ có nghĩa vụ bồi thường số tiền 1.200.000 (*Một triệu, hai trăm nghìn*) đồng, bị cáo Bùi Văn H có nghĩa vụ bồi thường số tiền 100.000 (*Một trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của khoản tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn Đ, Bùi Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo; Bị hại; Đại diện bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn